

Bản án số: 35/2019/HSST  
Ngày: 21 - 11 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Long.

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Trương Xuân Mậu

+ Ông : Mai Văn Ngọc

+ Bà : Trần Thị Ngọc Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 759/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với :

**- Bị cáo: Vũ Thanh T**– sinh ngày 26 tháng 10 năm 1980, tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn 1, K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Như Đ (Vũ Văn Đ) (đã chết) và bà Trần Thị Y; có vợ tên Hà Thị Phương T, có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Võ Bá Hoàn – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Minh Giang, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Sau đó bị cáo Vũ Thanh T từ

chối người bào chữa tại biên bản ngày 23/7/2019 do Công an tỉnh Quảng Bình lập nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa..

**- Người tham gia tố tụng khác:**

*Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Xuân Q, địa chỉ: Thôn M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
2. Ông: Cao Xuân T, địa chỉ: Thôn V, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Hồng P, địa chỉ: thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
4. Bà Phạm Thị M, địa chỉ: Thôn V, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
5. Ông Võ Hồng C, địa chỉ: Đội 2, thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
6. Ông Trần Chí C, địa chỉ: Thôn V, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
7. Ông Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Tổ 37, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
8. Bà Lê Thị H, địa chỉ: Tổ 37, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
9. Ông Hồ Văn Đ, địa chỉ: 93/32 T, Khu phố 5, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.
10. Ông Lê Đức Q, địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.
11. Ông Trần Tuấn H, địa chỉ: Tổ dân phố 1, M, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Gia T, địa chỉ: K146/7 đường P, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Ông Vũ Anh T, địa chỉ: K114/30 P, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có chức năng tuyển người đi du học và xuất khẩu lao động nhưng vào khoảng cuối năm 2017 Vũ Thanh T vẫn thuê nhà ở tại địa chỉ K114/30 đường P, quận L, thành phố Đà Nẵng, đặt biển hiệu của văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục TNT GLOBAL, tiếp nhận hồ sơ, mở lớp đào tạo tiếng Hàn Quốc nhằm tạo lòng tin cho những người có nhu cầu du học hoặc đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, Hàn Quốc để họ nộp tiền phí cho T. Vũ Thanh T đã lợi dụng sự quen biết với anh Trần Chí C ở thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, để tiếp cận với một số người trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, rồi tư vấn và tự giới thiệu là Trưởng văn phòng đại diện Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục TNT GLOBAL, có trụ sở tại địa chỉ K114/30 đường P, quận L, thành phố Đà Nẵng có chức năng làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và Nhật Bản. Chi phí mỗi suất để được đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc là 280.000.000 đồng/người và hẹn đến tháng 7/2018 được xuất cảnh và yêu cầu các bị hại nộp trước một phần tiền để làm thủ tục. Bằng những thủ đoạn này, từ tháng 11/2017 cho đến tháng 9/2018 Vũ Thanh T đã lừa đảo, chiếm đoạt của 11 người bị hại với tổng số tiền 1.477.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng*), cụ thể:

- 1, Ông Nguyễn Xuân Q số tiền: 180.000.000 đồng;
- 2, Ông Cao Xuân T số tiền: 250.000.000 đồng;
- 3, Ông Nguyễn Hồng P số tiền 225.000.000 đồng;
- 4, Bà Phạm Thị M số tiền: 70.000.000 đồng;
- 5, Ông Võ Hồng C số tiền: 100.000.000 đồng;
- 6, Ông Nguyễn Văn Đ số tiền: 57.000.000 đồng;
- 7, Bà Lê Thị H số tiền: 110.000.000 đồng;
- 8, Ông Trần Chí C số tiền: 195.000.000 đồng;
- 9, Ông Hồ Văn Đ số tiền: 120.000.000 đồng;
- 10, Ông Lê Đức Q số tiền: 120.000.000 đồng;
- 11, Ông Trần Tuấn H số tiền: 50.000.000 đồng;

Sau khi nhận tiền của 11 người bị hại Vũ Thanh T đã không làm thủ tục cho họ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc như đã hứa mà chiếm đoạt, đem tiêu xài cá nhân.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Sở kế hoạch và Đầu tư tại thành phố Đà Nẵng, xác định: tại Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia không có thông tin Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục TNT GLOBAL cũng như chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Quá trình điều tra thu giữ: Giấy nhận tiền, giấy cam kết và bản ảnh biển hiệu của Vũ Thanh T và một số giấy tờ liên quan do các bị hại cung cấp.

Tại bản kết luận giám định số 236/PC 09 ngày 08/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Chữ ký đứng tên Vũ Thanh T trên các tài liệu giấy biên nhận, bản cam kết và Tờ khai Chứng minh nhân dân của Vũ Thanh T là do cùng một người ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại đều có yêu cầu Vũ Thanh T phải trả lại tổng số tiền 1.477.000.000 mà T đã chiếm đoạt của họ, hiện nay, T chưa bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 283/VKS-P3 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Vũ Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Vũ Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt 1.477.000.000 đồng của 11 bị hại, hiện chưa hoàn trả; bị cáo đồng ý trả theo yêu cầu của các bị hại nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền bồi thường.

- Bị hại Trần Chí C yêu cầu bị cáo T phải trả lại 195.000.000 đồng đã nhận, ông C cho biết không môi giới cho T làm quen với các bị hại khác và cũng không nhận tiền từ Vũ Thanh T.

- Bị hại anh Lê Đức Q yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho anh số tiền 120.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử nghiêm đối với Vũ Thanh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Vũ Thanh T từ 13 đến 14 năm tù; buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[ 1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo, kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử thấy các bị hại đã được Tòa án triệu tập, quá trình điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt không gây trở ngại cho xét xử, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bị cáo Vũ Thanh T bị truy tố theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự, theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, cần chỉ định người bào chữa cho bị cáo nhưng trong giai đoạn điều tra, bị cáo từ chối người bào chữa và đến giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có biên bản làm việc với bị cáo ngày 11/11/2019 về nội dung chỉ định người bào chữa cho bị cáo nhưng bị cáo T từ chối, tại phiên tòa, bị cáo trình bày tự mình bào chữa, không yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để chỉ định người bào chữa, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thanh T khai nhận:

Bị cáo không được cơ quan chức năng cho phép về việc tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động, nhưng vì mục đích vụ lợi, chiếm đoạt tiền của người khác nhằm tiêu xài cá nhân nên bị cáo thuê nhà, đặt biển hiệu, tự xưng là Trưởng đại diện công ty TNT Global (chưa được cấp giấy đăng ký kinh doanh) mở lớp dạy tiếng Hàn Quốc để tạo lòng tin đối với những người có nhu cầu xuất khẩu lao động. Bị cáo đã chiếm đoạt 1.477.000.000 đồng của 11 người rồi đóng cửa văn phòng và bỏ trốn, sau đó bị bắt theo lệnh truy nã.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu thu giữ được trong quá trình điều tra cũng như Kết luận giám định và các chứng cứ khác đã hoàn toàn phù hợp và thống nhất. Như vậy hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 1.477.000.000 đồng của các bị hại mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, đã đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo Vũ Thanh T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa.

[5] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực sự gây nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét cho bị cáo.

Bị cáo có bố là ông Vũ Như Đ (Vũ Văn Đ), là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất và Huân chương kháng chiến hạng ba, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

[5] Từ những đánh giá trên, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo Vũ Thanh Toàn ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Vũ Thanh T khai hiện không có thu nhập, không có tài sản gì, do vậy nghĩ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt 1.477.000.000 đồng, Các bị hại có yêu cầu bị cáo Vũ Thanh T trả lại số tiền đã chiếm đoạt, trong đó: Ông Nguyễn Xuân Q yêu cầu số tiền: 180.000.000 đồng; Ông Cao Xuân T yêu cầu số tiền: 250.000.000 đồng; ông Nguyễn Hồng P yêu cầu số tiền 225.000.000 đồng; Bà Phạm Thị M yêu cầu số tiền: 70.000.000 đồng; Ông Võ Hồng C yêu cầu số tiền: 100.000.000 đồng; Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu số tiền: 57.000.000 đồng; Bà Lê Thị H yêu cầu số tiền: 110.000.000 đồng; Ông Trần Chí C yêu cầu số tiền: 195.000.000 đồng; Ông Hồ Văn Đ yêu cầu số tiền: 120.000.000 đồng; Ông Lê Đức Q yêu cầu số tiền: 120.000.000 đồng và ông Trần Tuấn H yêu cầu số tiền: 50.000.000 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường toàn bộ số tiền các bị hại yêu cầu. Nghĩ nên buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường theo yêu cầu của các bị hại là phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

[7] Trong vụ án có bị hại Trần Chí C là người trực tiếp giới thiệu các bị hại cho Vũ Thanh T để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động nhưng không biết việc chiếm đoạt

tiền của bị cáo, quá trình điều tra bị cáo T đã khai nhận rằng việc lừa đảo các bị hại chỉ một mình bị cáo thực hiện, những người trên không biết. Ông Trần Gia T – là người cho bị cáo thuê nhà nhưng không biết hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình không chứng minh được hành vi phạm tội nên không có cơ sở để xem xét, xử lý do đó, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Chí C là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Vũ Thanh T 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 14 tháng 6 năm 2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vũ Thanh T.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án (có Quyết định tạm giam riêng của Hội đồng xét xử)

### **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, Buộc bị cáo Vũ Thanh T có trách nhiệm trả lại 1.477.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng) cho cho các bị hại. Cụ thể như sau:

Trả cho ông Nguyễn Xuân Q số tiền: 180.000.000 đồng;

Trả cho ông Cao Xuân T số tiền: 250.000.000 đồng;

Trả cho ông Nguyễn Hồng P số tiền 225.000.000 đồng;

Trả cho bà Phạm Thị M số tiền: 70.000.000 đồng;

Trả cho ông Võ Hồng C số tiền: 100.000.000 đồng;

Trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền: 57.000.000 đồng;

Trả cho bà Lê Thị H số tiền: 110.000.000 đồng;

Trả cho ông Trần Chí C số tiền: 195.000.000 đồng;

Trả cho ông Hồ Văn Đ số tiền: 120.000.000 đồng;

Trả cho ông Lê Đức Q số tiền: 120.000.000 đồng;

Trả cho ông Trần Tuấn H số tiền: 50.000.000 đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Thanh T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 56.310.000 đồng (*năm mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT 1 TANDTC
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đức Long**